



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
(FINANCE – BANKING)

Mã ngành đào tạo: 7340201

Chuyên ngành đào tạo: Ngân hàng

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1302/QĐ-ĐHNH, ngày 01 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng trường đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng nắm vững kiến thức nền tảng, hiện đại về kinh tế, tài chính ngân hàng nói chung, kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành ngân hàng nói riêng, có phẩm chất tốt, có năng lực nghiên cứu và ứng dụng một cách hiệu quả trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

- Có kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội
- Có kiến thức nền tảng về kinh tế trong lĩnh vực TC-NH
- Có kiến thức chuyên sâu về TC-NH trong hoạt động của Tổ chức Tài chính Tín dụng

Về kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp:

- Có kỹ năng cá nhân và giao tiếp xã hội
- Có kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp

Về thái độ và phẩm chất nghề nghiệp:

- Trung thực, thể hiện tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật cao trong công việc
- Thể hiện ý thức tuân thủ luật pháp trong kinh doanh, tuân thủ các quy tắc/chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
- Thể hiện ý thức chủ động trong học tập và nghiên cứu

Về năng lực thực hành nghề nghiệp:

- Hiểu biết về bối cảnh xã hội, môi trường bên ngoài và môi trường kinh doanh bên trong Tổ chức tài chính tín dụng
- Có năng lực phân tích định tính và định lượng khách hàng
- Có năng lực phân tích thị trường, tư vấn sản phẩm, thực hành tác nghiệp cung cấp sản phẩm thích hợp với nhu cầu của khách hàng
- Có năng lực nhận biết và đề xuất kiểm soát rủi ro trong quá trình thực hiện nghiệp vụ của Ngân hàng/ Tổ chức tài chính tín dụng
- Có năng lực nhận diện, phân tích và đề xuất giải quyết vấn đề trong hoạt động của Ngân hàng/ Tổ chức tài chính tín dụng

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành ngân hàng có thể lựa chọn một trong các nhóm công việc sau:

- Nhóm công việc có định hướng kinh doanh tại các bộ phận chuyên môn trong ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính tín dụng trong và ngoài nước, cụ thể đảm nhiệm các vị trí chuyên viên kinh doanh tín dụng, nguồn vốn, đầu tư, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, phân tích tài chính...
- Nhóm công việc có định hướng quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước như ngân hàng trung ương, cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ với các vị trí thanh tra, giám sát, phân tích, hoạch định chính sách quản lý vĩ mô trong lĩnh vực ngân hàng.
- Nhóm công việc có định hướng nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu với các vị trí giảng viên, chuyên viên nghiên cứu.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thiết kế thời gian tổ chức đào tạo là 04 năm với 08 học kỳ chính và 03 học kỳ hè. Trong các học kỳ chính, 07 học kỳ đầu sinh viên chủ yếu được học tập trên giảng đường, học kỳ cuối là học kỳ thực tập cuối khóa và thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp có số tín chỉ tương đương. Sinh viên có thể đăng ký học lại, học cải thiện, học vượt trong các học kỳ chính và học kỳ hè. Học kỳ hè được tổ chức đào tạo theo nhu cầu của sinh viên.

Sinh viên có thể học vượt để hoàn thành chương trình trước 01 năm rưỡi so với thời gian đào tạo chuẩn 04 năm thiết kế. Thời gian học tập kéo so với thời gian đào tạo chuẩn không quá 02 năm.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 129 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất (5 đvtc) và Giáo dục quốc phòng (8 đvtc).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

7. THANG ĐIỂM

Áp dụng theo thang điểm 10, điểm chữ và thang điểm hệ 4 được quy đổi từ thang điểm 10 chỉ sử dụng mang tính tham khảo, đối chiếu.

8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO – ĐỐI SÁNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Luật; Ban hành áp dụng từ năm 2015;

8.2. Chương trình đào tạo Ngành Tài chính ngân hàng của Học viện Ngân hàng Hà nội; Ban hành áp dụng từ năm 2015

8.3 Chương trình đào tạo Ngành Tài chính ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh Ban hành áp dụng năm 2015.

9. KẾT CẤU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

MỤC	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	TỶ LỆ (%)
1.1	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	11	25	19.4%
1.2	CƠ SỞ NGÀNH	18	51	39.5%
1.3	NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	18	53	41.1%
	TỔNG CỘNG	47	129	100.0%

10. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	MÔN HỌC TIỀN ĐỀ (*)
1.1	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	23	
	<i>Học phần bắt buộc</i>	10	
1.1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1/ <i>The Basic Principles of Marxism and Leninism 1</i>	2	-

1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2/ <i>The Basic Principles of Marxism and Leninism 2</i>	3	1.1.1
1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	1.1.1, 1.1.2
1.1.4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam/ <i>The Revolutionary Lines of the Vietnamese Communist Party</i>	3	1.1.1, 1.1.2
1.1.5	Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematics 1</i> (Đại số tuyến tính/ <i>Linear Algebra</i>)	2	-
1.1.6	Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematics 2</i> (Giải tích/ <i>Analytics</i>)	2	1.1.5
1.1.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Theory of Probability and Statistics</i>	3	1.1.6
1.1.8	Mô hình toán kinh tế/ <i>Econometric Model</i>	2	1.1.6; 1.2.2
1.1.9	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Theory of State and Law</i>	2	-
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn một trong ba học phần sau)	2	
1.1.10	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	2	-
1.1.11	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2	
1.1.12	Logic học/ <i>Logic</i>	2	
1.2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		
	Học phần bắt buộc	32	
1.2.1	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	-
1.2.2	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3	1.2.1
1.2.3	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3	1.2.2
1.2.4	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3	1.2. 2
1.2.5	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3	1.1.9
1.2.6	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	2	-

1.2.7	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2	-
1.2.8	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3	1.2.9
1.2.9	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3	1.1.7; 1.2.2;
1.2.10	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Method</i>	2	1.2.9
1.2.11	Giới thiệu ngành Ngân hàng / <i>Introduction to Banking</i>	2	-
1.2.12	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Theory of Finance and Currency</i>	3	1.2.2
1.2.13	Thị trường tài chính và các định chế tài chính/ <i>Financial Markets and Institutions</i>	3	1.2.12
1.2.14	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3	1.2.3; 1.2.12
1.2.15	Kế toán tài chính 1/ <i>Financial Accounting 1</i>	3	1.2.3; 1.3.3
1.2.16	Tài chính công ty đa quốc gia/ <i>Multinational Corporation Finance</i>	3	1.2.2; 1.2.14
1.2.17	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ <i>English for Specific Purposes 1</i>	3	-
1.2.18	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng/ <i>English for Banking and Finance</i>	3	1.2.17
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn một trong 3 học phần sau)	3	
1.2.19	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Theories</i>	3	-
1.2.20	Kinh tế học phát triển/ <i>Development Economics</i>	3	1.2.2
1.2.21	Kinh tế học công cộng/ <i>Public Economics</i>	3	1.2.2
1.3	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH	53	
	Kiến thức ngành	26	
	Học phần bắt buộc		
1.3.1	Hoạt động kinh doanh ngân hàng/ <i>Banking</i>	3	1.2.11; 1.2.13

	<i>Operations</i>		
1.3.2	Phân tích tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance Analytics</i>	3	1.2.15
1.3.3	Thuế / <i>Taxation</i>	3	1.2.2; 1.2.12
1.3.4	Marketing dịch vụ tài chính / <i>Financial Services Marketing</i>	3	1.2.7; 1.3.1
1.3.5	Thẩm định dự án đầu tư/ <i>Investment Project Appraisal</i>	3	1.2.14; 1.3.2;
1.3.6	Xếp hạng tín nhiệm/ <i>Credit Rating</i>	3	1.2.9; 1.3.2
1.3.7	Kinh tế lượng ứng dụng/ <i>Applied Econometrics</i>	2	1.2.9; 1.3.1
	Học phần tự chọn (chọn 2 học phần trong số các mảng kiến thức sau)	6	
	Mảng kiến thức tài chính		
1.3.8	Đầu tư tài chính/ <i>Financial Investment</i>	3	1.2.13
1.3.9	Tài chính phái sinh/ <i>Financial Derivatives</i>	3	1.2.13
1.3.10	Tài chính hành vi/ <i>Behavioral Finance</i>	3	1.2.13
1.3.11	Quản lý danh mục đầu tư/ <i>Portfolio Management</i>	3	1.2.14, 1.3.8
1.3.12	Bảo hiểm/ <i>Insurance</i>	3	1.2.12
	Mảng kiến thức về kế toán – kiểm toán		
1.3.13	Kiểm toán căn bản/ <i>Principles of Audit</i>	3	1.2.3
1.3.14	Kiểm toán ngân hàng/ <i>Bank Audit</i>	3	1.3.13; 1.3.23
	Mảng kiến thức về quản trị kinh doanh		
1.3.15	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ <i>Business Ethics and Corporate Culture</i>	3	
1.3.16	Khởi nghiệp kinh doanh/ <i>Entrepreneurship</i>	3	
	Mảng kiến thức về kinh doanh quốc tế		
1.3.17	Tài chính quốc tế/ <i>International Finance</i>	3	

1.3.18	Kinh doanh quốc tế/ <i>International Trade</i>	3	
	Mảng kiến thức về hệ thống thông tin quản lý		
1.3.19	Hệ thống thông tin quản lý/ <i>Management Information Systems</i>	3	-
1.3.20	Core banking và ngân hàng điện tử/ <i>Core Banking and E-Banking</i>	3	1.3.19
	Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)	27	
1.3.21	Thanh toán quốc tế/ <i>International Payment</i>	3	1.2.12
1.3.22	Tín dụng ngân hàng/ <i>Bank Loans</i>	3	1.3.1
1.3.23	Kế toán ngân hàng/ <i>Bank Accounting</i>	3	1.2.3; 1.3.1
1.3.24	Kinh doanh ngoại hối/ <i>Foreign Exchange Trade</i>	3	1.3.1
1.3.25	Quản trị ngân hàng thương mại/ <i>Commercial Banking Management</i>	3	1.3.1;
1.3.26	Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3	Theo Quy chế đào tạo
	Tự chọn kiến thức chuyên ngành		
1.3.27	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ <i>Dissertations</i>	9	Theo Quy chế đào tạo
	Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	9	
1.3.28	Quản trị rủi ro ngân hàng/ <i>Banking Risk Management</i>	3	1.3.21 đến 1.3.26
1.3.29	Tài trợ dự án/ <i>Project Finance</i>	3	1.2.14, 1.3.5
1.3.30	Thẩm định giá tài sản/ <i>Property Evaluation</i>	3	1.2.14

Ghi chú: (*) Ghi số thứ tự môn học trước đó nếu có yêu cầu tiên đề

11. PHÂN BỐ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC KỲ

11.1 Học kỳ 1

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2

	/ <i>The Basic Principles of Marxism and Leninism 1</i>	
1.1.5	Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematics 1</i> (Đại số tuyến tính/ <i>Linear Algebra</i>)	2
1.2.1	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3
1.2.6	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	2
	Các môn tự chọn (đại cương)	2
	Học phần GDTC 1	1
	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	20

Ghi chú: (*) Ghi theo số thứ tự trong Bảng Khung Chương trình đào tạo

11.2 Học kỳ 2

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2/ <i>The Basic Principles of Marxism and Leninism 2</i>	3
1.1.6	Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematics 2</i> (Giải tích/ <i>Analytics</i>)	2
1.1.9	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Theory of State and Law</i>	2
1.2.2	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3
1.2.7	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2
1.2.10	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Method</i>	2
1.2.12	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Theory of Finance and Currency</i>	3
	Học phần GDTC 2	1
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18

11.3 Học kỳ 3

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2

1.1.7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Theory of Probability and Statistics</i>	3
1.1.8	Mô hình toán kinh tế/ <i>Econometric Model</i>	2
1.2.3	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3
1.2.9	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3
1.2.14	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3
1.2.11	Giới thiệu ngành Ngân hàng/ <i>Introduction to Banking</i>	2
	Học phần GDTC 3	1
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	19

11.4 Học kỳ 4

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.1.4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam/ <i>The Revolutionary Lines of the Vietnamese Communist Party</i>	3
1.2.5	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3
1.2.13	Thị trường tài chính và các định chế tài chính/ <i>Financial Markets and Institutions</i>	3
1.2.4	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3
1.2.8	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3
	Các môn tự chọn cơ sở khối ngành	3
	Học phần GDTC 4	1
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	19

11.5 Học kỳ 5

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.2.15	Kế toán tài chính 1/ <i>Financial Accounting 1</i>	3
1.2.17	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ <i>English for Specific Purposes 1</i>	3

1.2.16	Tài chính công ty đa quốc gia/ <i>Multinational Corporation Finance</i>	3
1.3.1	Hoạt động kinh doanh ngân hàng/ <i>Banking Operations</i>	3
1.3.7	Kinh tế lượng ứng dụng/ <i>Applied Econometrics</i>	2
1.3.3	Thuế/ <i>Taxation</i>	3
	Học phần GDTC 5	1
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18

11.6 Học kỳ 6

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.2.18	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng/ <i>English for Banking and Finance</i>	3
1.3.4	Marketing dịch vụ tài chính/ <i>Financial Services Marketing</i>	3
1.3.5	Thẩm định dự án đầu tư/ <i>Investment Project Appraisal</i>	3
1.3.2	Phân tích tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance Analytics</i>	3
1.3.6	Xếp hạng tín nhiệm/ <i>Credit Rating</i>	3
	Các môn bổ trợ, tự chọn thuộc kiến thức ngành	3
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18

11.7 Học kỳ 7

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.3.21	Thanh toán quốc tế/ <i>International Payment</i>	3
1.3.22	Tín dụng ngân hàng/ <i>Bank Loans</i>	3
1.3.23	Kế toán ngân hàng/ <i>Bank Accounting</i>	3
1.3.24	Kinh doanh ngoại hối/ <i>Foreign Exchange Trade</i>	3
1.3.25	Quản trị ngân hàng thương mại/ <i>Commercial Banking Management</i>	3

	Các môn bổ trợ, tự chọn thuộc kiến thức ngành	3
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18

11.8 Học kỳ 8

STT (*)	TÊN MÔN HỌC/ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1.3.26	Thực tập cuối khóa	3
1.3.27	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ hoặc các môn thay thế khóa luận	9
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	12

12. MÔ TẢ NỘI DUNG MÔN HỌC

1.1.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1 (2 tín chỉ).

Môn học trước: Không

Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ngành tài chính ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng. Nội dung môn học xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

1.1.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 (3 tín chỉ).

Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội. Sau khi học xong, người học vận dụng được các quy luật kinh tế, chính trị, xã hội chủ nghĩa Mác - Lênin vào nghiên cứu các môn học khác cũng như thực tiễn cuộc sống; vận dụng kiến thức đã học để nhận thức được đường lối, chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước ta và giải thích các hiện tượng kinh tế - chính trị - xã hội diễn ra trên thế giới hiện nay.

1.1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Môn học trước: Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin 1,2.

Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ngành tài chính ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng. Nội dung môn học cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư

tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa của Hồ Chí Minh; Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; Tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

1.1.4 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Môn học trước: Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lenin 1, 2.

Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ngành tài chính ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng. Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng; Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

1.1.5 Toán cao cấp 1 (2 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ngành tài chính ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng. Môn học trang bị các kiến thức toán cao cấp về đại số tuyến tính cho sinh viên khối kinh tế. Nội dung chính bao gồm: ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vectơ R^n ; phép biến đổi tuyến tính; chéo hóa ma trận; dạng toàn phương.

Học xong môn này sinh viên có thể chuyển hóa các dạng bài toán kinh tế sang dạng hệ phương trình hoặc ma trận để xử lý, từ đó đạt được kết quả mong muốn ban đầu.

1.1.6. Toán cao cấp 2 (2 tín chỉ)

Môn học trước: Toán cao cấp 1 (đại số tuyến tính)

Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ngành tài chính ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng. Môn học trang bị các kiến thức toán cao cấp về giải tích ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; hàm nhiều biến: giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị tự do và cực trị có điều kiện; một số dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2. Học xong môn học này, sinh viên có thể áp dụng để thực hiện các tính toán trong kinh tế, hoặc xác định các cực trị, tối ưu hàm mục tiêu,...

1.1.7. Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3 tín chỉ)

Môn học trước: Toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2

Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ngành tài chính ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng. Môn học cung cấp các kiến thức về toán xác suất và thống kê. Nội dung bao gồm: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất của một biến cố; biến ngẫu nhiên, luật

phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên, luật số lớn; biến ngẫu nhiên nhiều chiều; mẫu và các đặc trưng mẫu, các phân phối xác suất của các đặc trưng mẫu; ước lượng tham số; kiểm định giả thuyết thống kê về tham số.

1.1.8. Mô hình toán kinh tế (2 tín chỉ)

Môn học trước: Toán cao cấp 2, Kinh tế vĩ mô.

Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ngành tài chính ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng. Môn học cung cấp các kiến thức về mô hình toán kinh tế gồm: xây dựng mô hình toán kinh tế; tính toán các chỉ tiêu của mô hình; giới thiệu một số mô hình: mô hình vào ra (I-O), mô hình tối ưu tuyến tính – qui hoạch tuyến tính. Học xong môn này sinh viên sẽ hiểu được các khái niệm về mô hình, lập được một số mô hình đơn giản, ý nghĩa của các chỉ tiêu trong kinh tế và nắm được các phương pháp giải của một số dạng bài toán mô hình tuyến tính.

1.1.9. Lý luận về nhà nước và pháp luật (2 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ngành tài chính ngân hàng, chuyên ngành ngân hàng. Môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới qui luật hình thành, phát triển và bản chất của nhà nước và pháp luật. Nội dung chính đề cập đến: các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhà nước và pháp luật nói chung, tới nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; các vấn đề liên quan đến những khái niệm cơ bản của pháp luật như vi phạm pháp luật, qui phạm pháp luật....; hệ thống pháp luật và những thành tố cơ bản của nó

1.2.1 Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Kinh tế học vi mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học này giới thiệu các khái niệm cơ bản và các công cụ sử dụng trong phân tích kinh tế vi mô; tập trung vào việc phân tích hành vi của người tiêu dùng quyết định đến giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ được cung ứng trên thị trường cũng như hành vi của các doanh nghiệp trên các cấu trúc thị trường khác nhau. Bên cạnh đó, môn học còn chỉ ra những thất bại của thị trường làm cơ sở cho việc định hướng can thiệp của Nhà nước nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

1.2.2 Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế học vi mô

Kinh tế học vĩ mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học giới thiệu những kiến thức tổng quát về Kinh tế học vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về cách thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Môn học trình bày cách tính các chỉ tiêu kinh tế như sản lượng quốc gia, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát..., cách xác định

sản lượng cân bằng dựa vào mối quan hệ tổng cung - tổng cầu, các vấn đề vĩ mô của 1 nền kinh tế mở và đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế thông qua các chính sách kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể trong từng thời kì.

1.2.3 Nguyên lý kế toán (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô

Đây là môn học thuộc kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về kế toán, cụ thể: đối tượng kế toán, vai trò và chức năng của kế toán. Bên cạnh đó, môn học trang bị kiến thức về các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán. Ngoài ra môn học giúp người học hiểu về tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.

1.2.4 Kinh tế học quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô

Kinh tế học quốc tế là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế (lao động, vốn). Môn học cung cấp hệ thống các học thuyết kinh tế quốc tế, các công cụ chính sách thương mại quốc tế và những phân tích cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái.

1.2.5 Luật kinh doanh (3 tín chỉ)

Môn học tiền đề: Lý luận nhà nước và pháp luật.

Môn học thuộc nhóm kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh tại Việt Nam, trong đó chủ yếu là doanh nghiệp. Nội dung chính đề cập đến các vấn đề lý luận và thực tiễn trong qui định của pháp luật liên quan đến điều kiện đầu tư, thành lập, điều hành hoạt động, chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh; các qui định về việc giao kết, thực hiện, chấm dứt hợp đồng; về vấn đề giải quyết tranh chấp trong hoạt động của các chủ thể kinh doanh.

1.2.6 Quản trị học (3 tín chỉ)

Môn học tiền đề : Không

Môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về những vấn đề căn bản của quản trị: lịch sử phát triển, khái niệm, vai trò, những chức năng của quản trị; những kỹ năng cơ bản của nhà quản trị. Từ đó sinh viên còn có khả năng vận dụng những nội dung này để làm nền tảng nhận thức, xác lập định hướng để trau dồi kỹ năng, đồng thời có khả năng nhận biết và giải quyết những vấn đề trong

công tác quản trị. Bên cạnh đó môn học cũng đề cập đến các xu hướng phát triển mới trong quản trị hiện đại.

1.2.7 Nguyên lý marketing (2 tín chỉ)

Môn học trước: Không

Môn học thuộc kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

1.2.8 Tin học ứng dụng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế lượng, Đạt chuẩn đầu vào Tin học trình độ cơ bản.

Môn học thuộc kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Môn học cung cấp các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các bài toán kinh tế; cung cấp các kiến thức và kỹ năng để sinh viên hiểu được vai trò của công nghệ thông tin, ứng dụng được các sản phẩm công nghệ thông tin trong quản lý, đầu tư tài chính và phân tích dữ liệu nghiên cứu trong kinh tế.

1.2.9 Kinh tế lượng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Lý thuyết xác suất & thống kê toán, Kinh tế vĩ mô.

Môn học thuộc kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế, được thiết kế như một môn khoa học ứng dụng, sinh viên được trang bị lý thuyết cơ bản sau đó sử dụng các phần mềm chuyên dụng để hồi quy, ước lượng, kiểm định, phân tích và dự báo. Nội dung môn học bao gồm: hồi quy tuyến tính và các dạng đưa về hồi quy tuyến tính theo phương pháp OLS; kiểm tra các hiện tượng đa cộng tuyến, hiện tượng phương sai của sai số thay đổi; chọn mô hình và kiểm định việc chọn mô hình; ước lượng và kiểm định các giả thuyết thống kê; phân tích và dự báo dựa trên kết quả thu được; mô hình hồi quy với số liệu chuỗi thời gian, vấn đề tự tương quan trong mô hình hồi quy chuỗi thời gian và một số mô hình động.

1.2.10 Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế lượng

Môn học thuộc kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Môn học được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống và mang tính khoa học; Giúp người học nắm vững các bước và cùng với các kiến thức từ các môn học khác để thực hiện được

một hoạt động nghiên cứu khoa học ở các cấp độ khác nhau: từ xác định vấn đề nghiên cứu; Tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu; Thể hiện và đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học;

1.2.11 Giới thiệu ngành Ngân hàng (2 tín chỉ)

Môn học trước: không

Giới thiệu ngành là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng. Môn học cung cấp sự hiểu biết cơ bản về ngành nghề, từ đó thu hút và tạo dựng niềm yêu thích của sinh viên đối với chuyên ngành ngân hàng. Nội dung môn học gồm các phần chính: giới thiệu về bối cảnh của ngành, vai trò trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp của cử nhân ngành ngân hàng; chuẩn đầu ra chuyên ngành ngân hàng; những kỹ năng cần thiết làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành, góp phần hình thành năng lực thực hành nghề nghiệp của cử nhân chuyên ngành ngân hàng.

1.2.12 Lý thuyết tài chính tiền tệ (Số tín chỉ: 3)

Môn học trước: Kinh tế học vĩ mô.

Môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành tài chính ngân hàng. Nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính tiền tệ như: tổng quan về tài chính tiền tệ, ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.

1.2.13 Thị trường tài chính & các định chế tài chính (Số tín chỉ: 3)

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành tài chính ngân hàng. Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về hệ thống tài chính, thị trường tài chính, các định chế tài chính, cách thức vận hành, tổ chức hoạt động và các công cụ giao dịch trên thị trường tài chính. Nội dung chính của môn học gồm 3 phần: tổng quan về hệ thống tài chính, thị trường tài chính và các định chế tài chính.

1.2.14 Tài chính doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3)

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nguyên lý kế toán

Tài chính doanh nghiệp là môn học thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành tài chính ngân hàng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp sản xuất, làm tiền đề để học tiếp các môn học khác trong khối kiến thức ngành tài chính ngân hàng. Trong môn học này sinh viên sẽ được nghiên cứu những vấn đề chủ yếu như: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp, Giá trị của tiền theo thời gian,

Quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro, Các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp, Chi phí sử dụng vốn, Các lý thuyết về cơ cấu vốn, Đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính,...

1.2.15 Kế toán tài chính 1

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Thuế

Kế toán tài chính 1 là môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành tài chính ngân hàng. Môn học cung cấp kiến thức kế toán các phần hành: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản thanh toán; kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất (kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán khoản phải trả người lao động); kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán đầu tư tài chính; kế toán xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu. Ngoài ra, môn học trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng lập và trình bày Báo cáo tài chính.

1.2.16 Tài chính công ty đa quốc gia

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Tài chính doanh nghiệp.

Tài chính công ty đa quốc gia là môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành tài chính ngân hàng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường tài chính quốc tế nơi các công ty đa quốc gia đang hoạt động và vấn đề quản trị tài chính của các công ty này. Trong môn học này sinh viên sẽ được nghiên cứu những vấn đề chủ yếu như: (i) môi trường tài chính quốc tế bao gồm vấn đề về toàn cầu hóa, hệ thống tiền tệ quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế; (ii) thị trường ngoại hối, các điều kiện cân bằng quốc tế, và cơ chế xác định tỷ giá hối đoái; (iii) các thị trường tài chính quốc tế và vấn đề quản trị nguồn vốn, quản trị tài sản của các công ty đa quốc gia.

1.2.17 Tiếng Anh chuyên ngành 1

Môn học trước: TOEIC 350 hoặc tương đương

Môn học Tiếng Anh chuyên ngành 1 là môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành tài chính ngân hàng. Môn học cung cấp cho sinh viên ngành Ngân Hàng kiến thức cũng như lượng từ vựng đáng kể liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh và lĩnh vực kinh tế như các cấu trúc công ty khác nhau, chức năng quản lý, cơ sở hạ tầng của công ty, so sánh chiến lược quản lý kho và sản xuất, phương pháp quản lý chất lượng sản phẩm, các hoạt động quảng cáo, cách sử dụng vốn đầu tư, và một phần kiến thức về các sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng.

1.2.18 Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Môn học trước: Tiếng Anh chuyên ngành 1.

Môn học Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng là môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành tài chính ngân hàng. Môn học được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên ngành Ngân Hàng kiến thức cũng như lượng từ vựng đáng kể liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và tài chính như các dạng trái phiếu, công dụng của vốn và cổ

phiếu, các loại báo cáo tài chính, mô hình chuẩn cho sản phẩm và dịch vụ, chỉ tiêu của quốc gia, thuế, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với công đồng, các học thuyết về kinh doanh tự do, những lợi ích và bất lợi trong kinh doanh quốc tế.

1.3.1 Hoạt động kinh doanh ngân hàng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Thị trường tài chính và các định chế tài chính; Giới thiệu ngành

Môn học thuộc khối kiến thức ngành tài chính ngân hàng. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế hiện đại, giúp người học nắm vững kiến thức nền tảng về kinh doanh ngân hàng hiện đại, từ đó vận dụng vào các lĩnh vực chuyên sâu trong hoạt động tài chính ngân hàng. Nội dung chính của môn học gồm các phần: Tổng quan về kinh doanh ngân hàng; Huy động vốn và cung ứng dịch vụ thanh toán; Hoạt động tín dụng; Hoạt động đầu tư tài chính và Dịch vụ tài chính.

1.3.2 Phân tích tài chính doanh nghiệp (3 tín chỉ)

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp, Kế toán tài chính 1.

Môn học thuộc khối kiến thức ngành tài chính ngân hàng. Môn học cung cấp sinh viên kiến thức về phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua báo cáo tài chính và một số tài liệu khác, giải thích và hướng dẫn sinh viên sử dụng các mô hình phân tích nhằm đưa ra các kết luận đúng đắn về kết quả kinh doanh, tình hình sử dụng vốn và nguồn đáp ứng sử dụng vốn, cơ cấu tài chính, khả năng tiết kiệm vốn lưu động, mối quan hệ giữa các dòng tiền, nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt giữa dòng tiền ròng hoạt động kinh doanh và lợi nhuận, hiệu quả sinh lời của vốn và khả năng thanh toán, điểm mạnh và điểm yếu trong quản trị tài chính của doanh nghiệp cũng như phát hiện những rủi ro tiềm tàng. Kết quả phân tích là cơ sở cung cấp thông tin hữu ích về tình trạng “sức khỏe” của doanh nghiệp, định hướng cho việc đưa ra các quyết định của chủ nợ, nhà quản trị tài chính, nhà đầu tư hoặc tổ chức tư vấn,...

1.3.3 Thuế (Số tín chỉ: 3)

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô, Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học thuộc khối kiến thức ngành tài chính ngân hàng. Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng cần thiết, làm cơ sở cho người học nghiên cứu các môn chuyên ngành, sử dụng thuế như một công cụ trong những vấn đề liên quan đến kinh tế, tài chính ở cấp vĩ mô cũng như vĩ mô. Nội dung chính của môn học: kiến thức cơ bản về thuế trên góc độ lý thuyết; quy định về từng loại thuế hiện hành tại Việt Nam, có liên hệ với những quy định về các loại thuế tương tự ở một số quốc gia; hướng dẫn phương pháp tính thuế, lồng ghép việc liên hệ với những môn học khác trong đó có đề cập đến thuế.

1.3.4 Marketing dịch vụ tài chính

Môn học trước: Nguyên lý Marketing , Hoạt động kinh doanh ngân hàng

Môn học thuộc khối kiến thức ngành tài chính ngân hàng. Môn học khái quát những vấn đề chung về marketing dịch vụ tài chính; quá trình xâm nhập của Marketing vào hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính; tính chất đặc thù của Marketing dịch vụ tài chính. Đề cập một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức, thực hiện Marketing trong hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính bao gồm: phân khúc, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị; lập chiến lược và ứng dụng bộ công cụ Marketing 7Ps. Sau khi học xong, người học có thể xây dựng được chiến lược Marketing-mix cho một định chế tài chính cụ thể.

1.3.5 Thẩm định dự án đầu tư (3 tín chỉ)

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp, Phân tích tài chính doanh nghiệp.

Môn học thuộc khối kiến thức ngành tài chính ngân hàng. Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về thẩm định dự án đầu tư; trang bị cho người học năng lực vận dụng kiến thức để phân tích định tính và định lượng về phương diện thị trường, kỹ thuật, nhân lực và tài chính của một dự án đầu tư; năng lực nhận diện và kiểm soát các rủi ro phát sinh trong quá trình thẩm định dự án đầu tư. Nội dung môn học bao gồm: thiết lập dự án đầu tư, hoạch định dòng tiền dự án, các tiêu chuẩn đánh giá dự án, ước lượng chi phí vốn của dự án, thẩm định dự án, thẩm định thị trường, kỹ thuật, nhân lực, tài chính, rủi ro và lạm phát.

1.3.6 Xếp hạng tín nhiệm (3 tín chỉ)

Môn học trước: Kinh tế lượng; Phân tích tài chính doanh nghiệp.

Môn học thuộc khối kiến thức ngành tài chính ngân hàng. Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về xếp hạng tín nhiệm, mô hình kinh doanh của tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập, cũng như hoạt động của thị trường xếp hạng tín nhiệm, từ đó có thể nhận biết và kiểm soát rủi ro trong quá trình thực hiện nghiệp vụ đánh giá khách hàng, đầu tư tài chính, tín dụng ngân hàng cũng như các nghiệp vụ ngân hàng khác. Nội dung chính của môn học gồm các phần sau: (i) Tổng quan về xếp hạng tín nhiệm; (ii) Mô hình rủi ro tín dụng; (iii) Dịch vụ XHTN của các tổ chức XHTN độc lập và (iv) Xếp hạng tín nhiệm nội bộ khách hàng trong ngân hàng

1.3.7 Kinh tế lượng ứng dụng (2 tín chỉ)

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp, Kinh tế lượng.

Kinh tế lượng ứng dụng là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành tài chính ngân hàng. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng được ứng dụng trong nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành tài chính ngân hàng, gồm: mô hình chuỗi thời gian đơn biến, mô hình phương sai có điều kiện thay đổi, các phương pháp cho dữ liệu bảng.

1.3.21 Thanh toán quốc tế (3 tín chỉ)

Môn học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ.

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành ngân hàng. Môn học trang bị những kiến thức cần thiết về hoạt động thanh toán quốc tế để người học có thể thực hiện được các nghiệp vụ trong thanh toán quốc tế tại các vị trí là người kinh doanh xuất nhập khẩu và là chuyên viên ngân hàng. Nội dung chính của môn học gồm (i) Những vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động thanh toán quốc tế; (ii) Các văn bản luật, tập quán giao dịch trong thanh toán quốc tế (iii) Các chứng từ tài chính, chứng từ thương mại trong thanh toán quốc tế và (iv) Các phương thức thanh toán quốc tế.

1.3.22 Tín dụng ngân hàng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành ngân hàng. Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về tín dụng, một trong các hoạt động chính yếu của ngân hàng/ tổ chức tín dụng, giúp người học nắm vững phương pháp luận về tín dụng, từ đó có khả năng ứng dụng các kỹ thuật trong quá trình cấp tín dụng cho khách hàng, có khả năng đề xuất cải tiến các chính sách, cơ chế liên quan đến các hoạt động tín dụng ngân hàng. Nội dung môn học gồm các phần chính: Nguyên lý chung về tín dụng ngân hàng; Tín dụng đối với doanh nghiệp; Tín dụng đối với chủ thể ngoài doanh nghiệp và quản lý rủi ro tín dụng.

1.3.23 Kế toán ngân hàng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Môn Kế toán ngân hàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành ngân hàng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ kế toán ngân hàng cơ bản. Cụ thể là các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các nghiệp vụ cơ bản phát sinh tại ngân hàng thương mại như kế toán tiền mặt, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, dịch vụ thanh toán qua ngân hàng, nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế, kết quả kinh doanh – phân phối lợi nhuận và cách thức trình bày trên các báo cáo tài chính của ngân hàng.

1.3.24 Kinh doanh ngoại hối (3 tín chỉ)

Môn học trước: Hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành ngân hàng. Môn học cung cấp kiến thức giúp cho người học hiểu được những vấn đề cơ bản về thị trường ngoại hối, nắm bắt được các giao dịch cơ bản trên thị trường ngoại hối và biết vận dụng các giao dịch này để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối và bảo hiểm rủi ro tỷ giá. Nội dung chính của môn học gồm các phần: (i) Tổng quan về thị trường ngoại hối và các khái niệm cơ bản liên quan đến thị trường ngoại hối; (ii) Các loại hình giao dịch trên thị trường ngoại hối bao gồm: giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, tương lai và quyền chọn.

1.3.25 Quản trị ngân hàng thương mại (3 tín chỉ)

Môn học trước: Các môn chuyên ngành ngân hàng.

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành ngân hàng. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức quản trị đặc thù ngân hàng thương mại; Qua môn học sinh viên nắm được những kiến thức, nội dung các phương pháp quản trị những hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại. Từ những kiến thức đó sinh viên có thể áp dụng vào thực tiễn trong hoạt động quản trị tại các Ngân hàng thương mại.

1.3.26 Thực tập cuối khóa (3 tín chỉ)

Môn học trước: Theo Quy chế đào tạo

Thực tập cuối khóa là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành Ngân hàng. Học phần này với sự hỗ trợ của giảng viên hướng dẫn, sinh viên phải đi thực tập tại ngân hàng, định chế tài chính phi ngân hàng,... Trong quá trình thực tập sinh viên cần quan sát, tìm hiểu, nghiên cứu các nghiệp vụ thực tế liên quan đến lĩnh vực tài chính-ngân hàng, đồng thời phải đối chiếu, so sánh, đánh giá các nghiệp vụ đang được thực hiện tại thực tế với những lý luận sinh viên đã được trang bị trong thời gian học tập tại Trường, từ đó giúp sinh viên học hỏi thêm kiến thức, kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp để có thể làm tốt công việc sau khi tốt nghiệp.

1.3.27 Khóa luận tốt nghiệp

Môn học trước: Theo Quy chế đào tạo.

Khóa luận tốt nghiệp thuộc học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành ngân hàng, dành cho những sinh viên thỏa các điều kiện để được thực hiện Học phần khóa luận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo của Trường. Học phần này với sự định hướng và hướng dẫn khoa học của giảng viên được Khoa phân công, sinh viên sẽ phải chọn vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng, trên cơ sở vấn đề nghiên cứu được chọn, sinh viên phải xác định rõ mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và vận dụng các kiến thức, cũng như sử dụng các phương pháp nghiên cứu để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra một cách khoa học, có hệ thống; từ đó giúp sinh viên nâng cao được kỹ năng nghiên cứu.

1.3.27 Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp

a. Quản trị rủi ro ngân hàng (3 tín chỉ)

Môn học trước: Các môn chuyên ngành ngân hàng.

Quản trị rủi ro ngân hàng là môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp, thuộc kiến thức ngành Tài chính Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng. Môn học trang bị kiến thức chuyên sâu về các loại rủi ro đặc thù trong kinh doanh ngân hàng và quan điểm quản trị rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế (ủy ban Basel). Trên cơ sở đó, môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng vận dụng các phương pháp/ kỹ thuật thích hợp nhằm nhận dạng, đo lường, giám sát và giảm thiểu các loại rủi ro phát sinh trong kinh doanh ngân hàng hiện đại. Nội dung môn học gồm các phần chính: tổng quan về quản trị rủi ro trong

kinh doanh ngân hàng; quản trị rủi ro tín dụng; quản trị rủi ro thị trường và quản trị rủi ro hoạt động

b. Thẩm định giá tài sản (3 tín chỉ)

Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp

Đây là môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành ngân hàng. Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về thẩm định giá trị tài sản; trang bị cho người học năng lực vận dụng kiến thức để phân tích định tính và định lượng doanh nghiệp được thẩm định giá; năng lực phân tích thị trường, tư vấn về giá, thực hành lập báo cáo thẩm định giá phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Nội dung môn học bao gồm: tổng quan về thẩm định giá, thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá máy móc thiết bị, thẩm định giá tài sản tài chính và thẩm định giá trị doanh nghiệp.

c. Tài trợ dự án (3 tín chỉ)

Môn học trước: Thẩm định dự án đầu tư, Tài chính doanh nghiệp.

Đây là môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành ngân hàng. Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về tài trợ dự án; trang bị cho người học năng lực vận dụng kiến thức để phân tích định tính và định lượng doanh nghiệp được tài trợ; năng lực tư vấn về việc lựa chọn các cấu trúc tài trợ và cấu trúc sở hữu, lập kế hoạch tài trợ. Nội dung môn học bao gồm: Tổng quan về tài trợ dự án, các chủ thể tham gia tài trợ, các cấu trúc tài trợ, lựa chọn cấu trúc sở hữu, các hợp đồng bảo đảm, lập kế hoạch tài trợ, các nguồn tài trợ cho dự án.

13. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ	GV PHỤ TRÁCH,	HỌC HÀM HỌC VỊ	GHI CHÚ
1.2.11	Giới thiệu ngành Ngân hàng	2	Bùi Diệu Anh	TS.	
			Lê Thị Anh Đào	TS.	
			Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc	TS.	
			Nguyễn Trần Phúc	TS.	
			Lê Thị Hiệp Thương	TS.	GV mời
			Lê Hoài Ân	Ths.	
1.3.1	Hoạt động Kinh doanh Ngân hàng	3	Bùi Diệu Anh	TS.	
			Nguyễn Chí Đức	TS.	
			Ngô Văn Tuấn	TS.	

			Nguyễn Văn Phúc	TS.	
			Phan Diên Vỹ	TS.	
			Trần Thị Bình An	Ths.	
			Nguyễn Thị Minh Châu	Ths.	
			Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Ths.	
			Nguyễn Minh Nhật	Ths.	
			Nguyễn Thị Thu Trang	Ths.	
			Nguyễn Trung Hiếu	Ths.	
			Lê Thị Anh Quyên	Ths.	
			Trần Kim Long	Ths.	
			Phạm Thanh Nhật	Ths.	
			Hồ Thị Ngọc Tuyền	Ths.	
			Võ Thị Ngọc Hà	Ths.	
			Phạm Phú Quốc	TS.	GV mời
			Trần Chí Chinh	Ths.	GV kiêm chức
1.3.21	Thanh toán quốc tế	3	Lê Thị Anh Đào	TS.	
			Nguyễn Trần Phúc	TS.	
			Phan Thị Linh	TS.	
			Tạ Thu Hồng Nhung	Ths.	
			Nguyễn Lương Cúc Phương	Ths.	
			Nguyễn Nhi Quang	Ths.	
			Nguyễn Phước Kinh Kha	TS.	GV mời
			Vũ Thị Hải Minh	Ths.	GV kiêm chức
1.3.22	Tín dụng ngân hàng	3	Bùi Diệu Anh	TS.	
			Nguyễn Chí Đức	TS.	
			Trần Thị Bình An	Ths.	
			Nguyễn Thị Thu Trang	Ths.	
			Nguyễn Thị Minh Châu	Ths.	

			Nguyễn Trung Hiếu	Ths.	
			Lê Thị Anh Quyên	Ths.	
			Trần Kim Long	Ths.	
			Lê Nguyễn Minh Phương	Ths.	
			Võ Thị Ngọc Hà	Ths.	
			Trần Chí Chinh	Ths.	GV kiêm chức
1.3.24	Kinh doanh Ngoại hối	3	Lê Thị Anh Đào	TS.	
			Nguyễn Trần Phúc	TS.	
			Trần Hồng Hà	Ths.	
			Trần Vương Thịnh	Ths.	
1.3.5	Thẩm định dự án đầu tư	3	Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc	TS.	
			Lê Hà Diễm Chi	TS.	
			Trần Trọng Huy	TS.	
			Lê Thanh Ngọc	TS.	
			Đào Lê Kiều Oanh	TS.	
			Lê Hoài Ân	Ths.	
			Đặng Trí Dũng	Ths.	
			Liêu Cập Phủ	Ths.	
			Trần Thị Vân Trà	Ths.	
			Nguyễn Anh Tú	Ths.	
			Phạm Phú Quốc	TS.	GV mời
1.3.6	Xếp hạng tín nhiệm	3	Nguyễn Trung Hiếu	Ths.	
			Trần Kim Long	Ths.	
			Nguyễn Thị Minh Châu	Ths.	
			Trần Chí Chinh	Ths.	GV kiêm chức
1.3.27 a	Quản trị rủi ro ngân hàng		Nguyễn Trần Phúc	TS.	
			Trần Kim Long	Ths.	
			Nguyễn Minh Nhật	Ths.	
			Phạm Phú Quốc	TS.	GV mời

1.3.27.b	Thẩm định giá tài sản	3	Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc	TS.	
			Thanh Ngọc	TS.	
			Lê Hà Diễm Chi	TS.	
			Đặng Trí Dũng	Ths.	
1.3.27 c	Tài trợ dự án	3	Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc	TS.	
			Lê Hoài Ân	Ths.	
			Đặng Trí Dũng	Ths.	
			Phạm Phú Quốc	TS.	GV mời

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1 Thay thế Khóa luận tốt nghiệp: Trường hợp sinh viên không thực hiện Khóa luận tốt nghiệp, nhóm các môn học thay thế có tổng số tín chỉ tương đương gồm:

- Quản trị rủi ro ngân hàng, Số tín chỉ 03.
- Tài trợ dự án, Số tín chỉ 03.
- Thẩm định giá tài sản, Số tín chỉ 03.

14.2 Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: là điều kiện để xét tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành), không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

14.3 Các môn học tiếng Anh: Không thiết kế các môn tiếng Anh căn bản vào Chương trình đào tạo. Tiếng Anh chuyên ngành gồm 2 học phần với tổng số 6 đơn vị tín chỉ: Tiếng Anh chuyên ngành 1 (3 đvtc) và Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng (3 đvtc).

14.4 Chuẩn tiếng Anh và Tin học:

- Sau khi nhập học, sinh viên phải dự kiểm tra trình độ tiếng Anh (theo chuẩn TOEIC) và trình độ tin học căn bản. Những trường hợp không đủ chuẩn phải xuất trình chứng chỉ theo lộ trình do Trường quy định:
- Chuẩn tiếng Anh sau khi kết thúc giai đoạn đại cương là (cuối học kỳ III): TOEIC 350 hoặc tương đương; Chuẩn tiếng Anh đầu ra (điều kiện để xét tốt nghiệp) là: TOEIC 530 hoặc tương đương B1 (khung tham chiếu Châu Âu);
- Chuẩn Tin học sau khi kết thúc năm thứ I đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (để được học tiếp Tin học ứng dụng ở học kỳ III, IV). Chuẩn tin học đầu ra đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Bùi Hữu Toàn